**TUẦN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Dạy | Ngày |  |  |
| Tiết |  |  |
| Lớp |  |  |

**CHƯƠNG II : HÀM SỐ – ĐỒ THỊ**

**§1. ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ THUẬN**

**I. MỤC TIÊU** :

1. *Về kiến thức*: Nhớ được định nghĩa và tính chất của hai đại lượng tỉ lệ thuận.

2. *Về kĩ năng* : Viết công thức liên hệ giữa hai đại lượng có tỉ lệ thuận, tìm được hệ số tỉ lệ và giá trị tương ứng của hai đại lượng tỉ lệ thuận.

3. *Về phẩm chất*: Có ý thức tập trung chú ý, tích cực xây dựng bài. Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp , hợp tác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

1. **Hoạt động khởi động: (**giới thiệu chương)

- Mục tiêu: Giúp HS nhớ lại kiến thức đã học về hai đại lượng tỉ lệ thuận, bước đầu suy luận được mối liên hệ giữa hai đại lượng tỉ lệ thuận.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  - Thế nào là hai đại lượng tỉ lệ thuận ?  - Hãy lấy ví dụ về hai đại lượng tỉ lệ thuận mà em biết  - Có cách nào để mô tả ngắn gọn hai đại lượng tỉ lệ thuận ?  Bài hôm nay ta sẽ tìm hiểu cách mô tả đó. | - Hai đại lượng tỉ lệ thuận là hai đại lượng mà khi đại lượng này tăng thì đại lượng kia cũng tăng và ngược lại.  - Lấy được ví dụ về hai đại lượng tỉ lệ thuận trong thực tế  - Ví dụ: Quãng đường đi được tỉ lệ thuận với vận tốc của chuyển động  Dự đoán câu trả lời. |

1. **Hoạt động hình thành kiến thức:**

**2.1. Định nghĩa:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: Giúp HS nhớ định nghĩa hai đại lượng tỉ lệ thuận  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm  - Phương tiện và thiết bị dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  - Sản phẩm: Công thức liên hệ giữa hai đại lượng tỉ lệ thuận, hệ số tỉ lệ của đại lượng tỉ lệ thuận. | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  Đọc và làm ?1  a. Quãng đường đi được S ( km ) theo thời gian t ( h) và vận tốc v = 15 km /h tính theo công thức nào ?  b. Khối lượng m (kg) theo V (m3) và D (kg / m3) tính theo công thức nào ?  Em hãy rút ra sự giống nhau của 2 công thức trên ?  GV: Nếu ta kí hiệu chung cho quãng đường và khối lượng là y, còn vận tốc và thể tích kí hiệu chung là x, các số đã biết kí hiệu là k thì công thức liên hệ giữa hai đại lượng trong ?1 có chung công thức nào ?  HS tìm hiểu, trả lời  GV nhận xét, đánh giá, kết luận kiến thức   * Yêu cầu HS làm ? 2 sgk   HS dựa vào định nghĩa làm ?2, trả lời  GV nhận xét, đánh giá, kết luận kiến thức rút ra chú ý như sgk  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm làm ?3  Đại diện nhóm trả lời  GV nhận xét, đánh giá, kết luận kiến thức | **1) Định nghĩa**:  ?1   1. S = 15 t 2. m = D . V ⇒ m = 7800V  * Định nghĩa: sgk   ?2 y tỉ lệ thuận với x theo hệ số  Nên ta có y = x => x = y.  Vậy x tỉ lệ thuận với y theo hệ số  Chú ý: Nếu y tỉ lệ thuận với x theo hệ số tỉ lệ là k thì x sẽ tỉ lệ thuận với y theo hệ số là  **?3**. Khối lượng của các khủng long ở các cột b, c, d lần lượt là: 8tấn, 50tấn, 30tấn. |

**2.2** ***Tính chất***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: Giúp HS biết các tính chất liên hệ giữa hai đại lượng tỉ lệ thuận  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình.  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, cặp đôi  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Tìm tỉ số giữa các giá trị tương ứng của hai đại lượng tỉ lệ thuận. | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  - Yêu cầu HS làm ?4  - HS dựa vào định nghĩa thảo luận theo cặp làm ?4.  Đại diện HS trả lời  GV nhận xét, đánh giá, kết luận kiến thức rút ra tính chất. | **2) Tính chất**  ?4 a) Vì y tỉ lệ thuận với x nên y = k x  ⇒ k = y : x = 6 : 3 = 2  b) y2 = 2.4 = 8 ; y3 = 2.5 = 10 ;  y4 = 6.2 = 12  c)  \* Tính chất: sgk |

1. **Hoạt động luyện tập .**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: Củng cố định nghĩa và tính chất hai đại lượng tỉ lệ thuận.  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, cặp đôi  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Làm bài tập 1; 2/ 53, 54 sgk | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  Làm bài 1 sgk  Cá nhân HS dựa vào định nghĩa làm bài  1 HS lên bảng làm  GV nhận xét, đánh giá  - GV hướng dẫn cách làm  Làm bài 2 sgk  HS thảo luận theo cặp làm bài 2  Đại diện 1HS lên bảng trình bày  GV nhận xét, đánh giá | **Bài1/53sgk**  a)Vì y và x là hai 2 đại lượng tỉ lệ thuận  nên y = kx ⇒ k =  b) y =  c) Với x = 9 ⇒  Với x = 15 ⇒ y = . 15 = 10  **Bài 2 / 54 SGK**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | -3 | -1 | 1 | 2 | 5 | | y | 6 | 2 | -2 | -4 | -10 | |

**4.Hoạt động vận dụng.**

**- Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học vào các bài toán . Nhằm mục đích phát triển năng lực tự học, sáng tạo , tự học , tự giác, tích cực.

- BTVN : 3 , 4 sgk/54.

- Tìm hiểu về các bài toán về hai đại lượng tỉ lệ thuận.

**TUẦN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Dạy | Ngày |  |  |
| Tiết |  |  |
| Lớp |  |  |

**§2. MỘT SỐ BÀI TOÁN VỀ ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ THUẬN**

**I. MỤC TIÊU** :

1. *Về kiến thức*: Biết cách làm các bài toán cơ bản về hai đại lượng tỉ lệ thuận

2. *Về kĩ năng* : Giải được một số dạng toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ thuận

3. *Về phẩm chất*: Có ý thức tập trung chú ý, tích cực xây dựng bài.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.

2. Học sinh: SGK, thước thẳng, học thuộc định nghĩa và tính chất của hai đại lượng tỉ lệ thuận

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**A. KHỞI ĐỘNG:**

**Hoạt động 1: *Tình huống xuất phát***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** | |
| - Mục tiêu: Giúp HS tư duy đến mối quan hệ giữa đại lượng tỉ lệ thuận và tính chất dãy tỉ số bằng nhau.  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Nêu mối quan hệ giữa đại lượng tỉ lệ thuận và tính chất dãy tỉ số bằng nhau | | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  - Tổng ba góc của một tam giác bằng bao nhiêu ?  - Nếu ∆ABC có  thì mỗi góc , ,  có quan hệ gì với các số 1, 2, 3? Tính như thế nào ?  Hôm nay ta sẽ xét một số bài toán về hai đại lượng tỉ lệ thuận. | | - Tổng ba góc của một tam giác bằng 1800  - Ta nói các góc của tam giác tỉ lệ thuận với các số 1, 2, 3  - Dựa vào tính chất của dãy tỉ số bằng nhau để tính |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**Hoạt động 2**: ***Bài toán 1***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| **Hoạt động 2**: ***Bài toán 1***  - Mục tiêu: Giúp HS biết cách giải bài toán chia hai phần tỉ lệ thuận  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, cặp đôi  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Giải bài toán 1 và bài toán ở ?1 sgk | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  - Gọi HS đọc bài toán 1  ? Khối lượng và thể tích của chì là hai đại lượng như thế nào ?  HS: Hai đại lượng tỉ lệ thuận  H: Nếu gọi m1 và m2 lần lượt là khối lượng của 2 thanh chì thì chúng có quan hệ gì với nhau và quan hệ thế nào với các thể tích ?  HS: Dựa vào bài toán lập mối quan hệ giữa m1 và m2 và với thể tích  H: Vậy làm thế nào để tìm m1 và m2 ?  HS: Áp dụng tính chất của dãy tỉ số bằng nhau để tính m1 và m2  Yêu cầu HS làm ?1 tương tự  1 HS lên bảng giải  GV nhận xét, đánh giá, kết luận kiến thức  GV nhấn mạnh bài toán ?1 người ta có thể phát biểu thành: chia 222,5 thành 2 phần tỉ lệ thức với 10 và 15 | **1) Bài toán 1:**  Gọi khối kượng của hai thanh chì tương ứng là m1, m2  và m2 – m 1 = 56,5 (g)  Ta có : =  Vậy : m1 = 11,3 .12 = 135,6  m2 = 11,3 . 17 = 192,1  Vậy: Hai thanh chì có khối lượng là 135,6g và 192,1g  ?1 Gọi khối kượng của hai thanh kim loại tương ứng là m1, m2  Vì m và V là 2 đại lượng tỉ lệ thuận nên :  Vậy m1 = 8,9 .10 = 89 ;  m2 = 15.8,9 = 133,5  Trả lời: Hai thanh kim loại có khối lượng là 89g và 133,5g |

**Hoạt động 3** : ***Bài toán 2***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| **Hoạt động 3** : ***Bài toán 2*** (hoạt động nhóm, cá nhân)  - Mục tiêu: Giúp HS biết cách giải bài toán chia ba phần tỉ lệ thuận  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Giải bài toán 2 | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  Gọi HS đọc bài toán 2  Yêu cầu HS Hoạt động theo nhóm.  HS: Thảo luận nhóm làm bài toán 2  - Đại diện 1 HS lên bảng giải.  GV nhận xét, đánh giá, kết luận kiến thức | **2) Bài toán 2**:  Gọi số đo các góc của ∆ABC là , ,  Ta có:   * = 1 . 300 = 300 * = 2 . 300 = 600 * = 3 . 300 = 900 |

**C. LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| **Hoạt động 4: Bài tập**  - Mục tiêu: Củng cố định nghĩa và tính chất hai đại lượng tỉ lệ thuận  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Hs xác định được đại lượng tỉ lệ thuận dựa vào tính chất, tính toán các đại lượng | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  Làm bài 5/ 55 SGK  GV chia lớp thành 2 nhóm HS thực hiện  HS: Áp dụng tính chất của hai đại lượng tỉ lệ thuận để giải  - 2 HS lên bảng giải  GV nhận xét, đánh giá  Làm bài 6 tr 55 sgk  GV hướng dẫn  a) 1 m dây nặng 25 gr  x m dây nặng y gr  Vì khối lượng và chiều dài tỉ lệ thuận, từ đó suy ra công thức biểu diễn  b) 1 m dây nặng 25 gr  x m dây nặng 4500 gr  HS: Lập tỉ lệ thức và tìm x. | **Bài 5/55sgk**  a) x và y là hai đại lượng tỉ lệ thuận  vì  b) x và y là hai đại lượng không tỉ lệ thuận  vì  **Bài 6/55sgk**  a)1 m dây nặng 25g, x (m) dây nặng y (g)  Vì khối lượng và chiều dài tỉ lệ thuận nên  => y = 25 x  b)1m dây nặng 25g, x(m) dây nặng 4500 g  Có  ⇒ x = 4500 : 25 = 180 m  Vậy cuộn dây dài 180m. |

**D. VẬN DỤNG**

**- Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học vào các bài toán . Nhằm mục đích phát triển năng lực tự học, sáng tạo , tự học , tự giác, tích cực.

- Xem lại hai bài toán đã giải

- BTVN : 7 ,8,11 tr 56 sgk , 8 ,10 , 11 , 12 tr 44 SBT

**TUẦN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Dạy | Ngày |  |  |
| Tiết |  |  |
| Lớp |  |  |

**LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

1. *Kiến thức*: Củng cố định nghĩa và tính chất của hai đại lượng TLT, tính chất của dãy tỉ số bằng nhau.

2. *Kĩ năng*: Biết giải các bài toán về hai đại lượng tỉ lệ thuận và chia tỉ lệ. Áp dụng tính chất của dãy tỉ số bằng nhau để giải toán. Thông qua giờ học hs được biết thêm về nhiều bài toán liên quan đến thực tế.

- Vận dụng kiến thức thực tế, giải bài toán chia tỉ lệ.

3. *Về phẩm chất*: Có ý thức tập trung chú ý, tích cực xây dựng bài.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.

2. Học sinh: SGK, thước thẳng, học thuộc định nghĩa và tính chất của hai đại lượng tỉ lệ thuận

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**A. KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| **-** Mục tiêu: Củng cố kiến thức về đại lượng tỉ lệ thuận và tính chất của nó  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Giải các bài tập trang 56 SGK | |
| - Phát biểu tính chất của hai đại lượng tỉ lệ thuận (5 đ)  - Phát biểu tính chất của dãy tỉ số bằng nhau 5đ | Phát biểu tính chất của hai đại lượng tỉ lệ thuận như sgk/53  - Phát biểu tính chất của dãy tỉ số bằng nhau như sgk/28 |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**C. LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| **-** Mục tiêu: Rèn kỹ năng giải bài toán về hai đại lượng tỉ lệ thuận và áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau.  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Hs vận dụng được kiến thức thực tế, giải bài toán chia tỉ lệ | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  **Bài 7/56 SGK**  HS đọc bài toán  GV hướng dẫn HS tóm tắt, lập tỉ lệ thức  Tính KL đường  - 1HS làm bài trên bảng.  GV hướng dẫn HS dưới lớp cùng làm  GV nhận xét, đánh giá, kết luận kiến thức  **Bài 8/56 SGK**  - HS đọc đề , trả lời câu hỏi  - Bài cho biết gì ? y/cầu tìm gì ?  - Muốn tìm được số cây của các lớp hãy viết dãy tỉ số bằng nhau.  - Nếu gọi số cây trồng được của các lớp 7A,7B, 7C là x, y, z ta có tỉ lệ thức nào?  GV: Hãy áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau để tính số cây trồng được của ba lớp.  1 HS lên bảng làm  GV hướng dẫn HS dưới lớp cùng làm  GV nhận xét, đánh giá, kết luận kiến thức  **Bài 9/56 SGK**  1 HS đọc đề bài  GV : Tương tự bài 8 cần xác định  + Đề bài cho gì?  + Yêu cầu tìm gì?  + Aùp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau  1 HS lên làm, hs dưới lớp theo dõi và nhận xét  GV: Nhận xét, sửa sai (nếu có)  **Bài 10/56 SGK**.  HS đọc bài toán  GV:Gọi a, b, c là 3 cạnh  Thì có dãy tỉ số nào?  Áp dụng t/c dãy tỉ số bằng nhau tính a,b,c  HS trình bày bài.  GV nhận xét, đánh giá, kết luận kiến thức | **Bài 7/56 SGK**  Gọi x là lượng đường cần thiết cho 2,5 kg dâu.  Vì lượng đường tỉ lệ với lượng dâu nên ta có:    Vậy ý kiến của Hạnh đúng  **Bài 8/56 SGK**  Gọi số cây trồng được của các lớp 7A, 7B, 7C theo thứ tự : x cây, y cây, z cây  Theo bài ra ta có:  và x + y + z = 24  Áp dụng t/c dãy tỉ số bằng nhau ta có:          Vậy số cây của ba lớp trồng được lần lượt là: 8 cây, 7 cây, 9cây.  **Bài 9/56 SGK**  Gọi KL của niken, kẽm, đồng lần lượt là x (kg), y (kg), z (kg). Theo bài ta có:  Và x + y + z = 150  Áp dụng t/c dãy tỉ số bằng nhau ta có:    =>  Vậy cần 22,5 kg Niken, 30 kg Kẽm, 97,5 kg Đồng để sản xuất 150 kg đồng bạch.  **Bài 10/56 SGK**.  Goị 3 cạnh của tam giác thứ tự là a, b, c  Theo bài ra :    Vậy độ dài 3 cạnh của tam giác là 10cm, 15cm, 20cm |

**D. VẬN DỤNG**

**- Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học vào các bài toán . Nhằm mục đích phát triển năng lực tự học, sáng tạo , tự học , tự giác, tích cực.

**-** Ghi nhớ các bước giải bài toán về hai đại lượng tỉ lệ thuận và chia tỉ lệ.

- Bài tập 11 SGK , 10, 12, 13 SBT.

**TUẦN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Dạy | Ngày |  |  |
| Tiết |  |  |
| Lớp |  |  |

**§3. ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ NGHỊCH**

**I. MỤC TIÊU:**

1. *Kiến thức*: - Biết công thức biểu thị mối liên hệ giữa hai đại lượng tỉ lệ nghịch

- Nắm được các tính chất của hai đại lượng tỉ lệ nghịch.

2. *Kĩ năng*: - Nhận biết được hai đại lượng có tỉ lệ nghịch hay không.

- Chỉ ra được hệ số tỉ lệ khi biết công thức.

- Biết cách tìm hệ số tỉ lệ dựa vào hai giá trị tương ứng, tìm giá trị của một đại lượng khi biết hệ số tỉ lệ và 1 giá trị của đại lượng kia.

3. *Về phẩm chất*: Có ý thức tập trung chú ý, tích cực xây dựng bài.

Xác định hệ số, viết công thức liên hệ và tính giá trị của hai đại lượng tỉ lệ nghịch

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bài soạn, SGK.

2. Học sinh: SGK, thước thẳng, tìm ví dụ về hai đại lượng tỉ lệ nghịch trong thực tế

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**Hoạt động 1: *Tình huống xuất phát*** (hoạt động cá nhân)

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: Nhớ lại kiến thức về hai đại lượng tỉ lệ nghịch đã học, suy nghĩ tới cách biểu diễn mối quan hệ giữa chúng.  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Lấy được ví dụ về hai đại lượng tỉ lệ nghịch | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  - Hãy lấy ví dụ về hai đại lượng tỉ lệ nghịch mà em biết.  - Có thể mô tả hai đại lượng tỉ lệ nghịch bằng một công thức không ?  Để trả lời câu hỏi đó ta sẽ tìm hiểu bài học hôm nay. | Ví dụ:  - Hai cạnh của hình chữ nhật có diện tích không đổi  - Vận tốc và thời gian của chuyển động trên cùng quãng đường.  Dự đoán công thức |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 2: *Định nghĩa***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: Giúp HS tìm ra công thức liên hệ giữa hai đại lượng tỉ lệ nghịch.  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, cặp đôi  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Định nghĩa hai đại lượng tỉ lệ nghịch. | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  -Hướng dẫn HS làm câu ?1  Hãy rút ra nhận xét về sự giống nhau trong 3 công thức trên  GV: Giới thiệu ở câu a: y =  Ta nói đại lượng y tỉ lệ nghịch với đại lượng x theo hệ số 12  HS trả lời câu b, c tương tự.  ? Vậy thế nào là hai đại lượng tỉ lệ nghịch  HS: Nêu định nghĩa như sgk.  GV nhận xét, đánh giá, kết luận kiến thức: ĐN ở tiểu học là 1 trường hợp riêng a > 0 của  - Yêu cầu HS làm ? 2 => chú ý | **1. Định nghĩa**  **?1** a) Diện tích của hình chữ nhật là:  x.y = 12 => y =  b) Lượng gạo trong tất cả các bao là:  x.y = 500  c) Quãng đường đi được của vật c/đ đều:  v.t = 16  \* ĐN: sgk.  - Công thức:  Hay xy = a  **?2**  \* Chú ý: sgk/57 |

**Hoạt động 3: *Tính chất***

.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: Giúp HS suy luận ra các tính chất của hai đại lượng tỉ lệ nghịch.  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: các tính chất của hai đại lượng tỉ lệ nghịch | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  - Hướng dẫn HS làm ?3  GV: Hướng dẫn HS nêu tính chất  HS phát biểu như SGK.  GV nhận xét, đánh giá, kết luận kiến thức: Nêu công thức tổng quát  ? Sự giống và khác nhau của đại lượng tỉ lệ thuận và đại lượng tỉ nghịch là gì ?  - Muốn tính hệ số a dựa vào đâu? | **2. Tính chất**  ?3 a) Hệ số tỉ lệ là: a = x1y1 = 2. 30 = 60  b) y2 = 20 , y3 = 15, y4 = 12  c) x1y1= x2y2 = x3y3= x4y4 = 60  \*T/c: SGK  x1y1= x2y2 = x3y3 = ……= a |

**C. LUYỆN TẬP**

**Hoạt động 4: *Bài tập*** (hoạt động cá nhân)

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| **-** Mục tiêu: Củng cố định nghĩa hai đại lượng tỉ lệ nghịch  - Sản phẩm: Giải các bài tập 12, 13/58 SGK  NLHT: Tính toán, tìm hệ số tỉ lệ, tính giá trị của hai đại lượng tỉ lệ nghịch. | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  Làm bài 12/ 58 sgk  HS đọc bài toán  GV gọi HS lần lượt lên bảng làm từng câu.  - Cá nhân HS lần lượt lên bảng làm  GV nhận xét, đánh giá  Nếu còn thời gian thì làm thêm bài 13  **Bài 13/ 58sgk**  HS tính hệ số tỉ lệ a, rồi tìm các giá trị điền vào bảng  GV nhận xét, đánh giá | \* **Bài 12/58 sgk**:    \* **Bài 13/58 sgk:**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | 0,5 | -1,2 | **2** | **-3** | 4 | 6 | | y | **12** | **-0,2** | 3 | -2 | 1,5 | **1** | |

**D. VẬN DỤNG**

**- Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học vào các bài toán . Nhằm mục đích phát triển năng lực tự học, sáng tạo , tự học , tự giác, tích cực.- Học thuộc định nghĩa, tính chất của hai đại lượng tỉ lệ nghịch

- Bài tập 14,15 SGK, 18-22 SBT.

- Ôn lại tính chất của tỉ lệ thức và dãy tỉ số bằng nhau.

**TUẦN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Dạy | Ngày |  |  |
| Tiết |  |  |
| Lớp |  |  |

**§4. MỘT SỐ BÀI TOÁN VỀ TỈ LỆ NGHỊCH**

**I. MỤC TIÊU:**

1. *Kiến thức*: - Củng cố định nghĩa và tính chất của hai đại lượng tỉ lệ nghịch. Cách giải bài toán về hai đại lượng tỉ lệ nghịch.

2. *Kĩ năng*: - Biết cách giải bài toán về đại lượng tỉ lệ nghịch.

3. *Về phẩm chất*: Có ý thức tập trung chú ý, tích cực xây dựng bài.

Giải bài toán về đại lượng tỉ lệ nghịch

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bài soạn, SGK.

2. Học sinh: SGK, Ôn lại tính chất hai đại lượng tỉ lệ nghịch và tính chất của dãy tỉ số bằng nhau

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**Hoạt động 1: *Tình huống xuất phát*** (KTBC)

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: Củng cố cho Hs kiến thức về hai đại lượng tỉ lệ nghịch đã học và tính chất của nó  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Lấy được ví dụ về hai đại lượng tỉ lệ nghịch | |
| -Nêu định nghĩa hai đại lượng tỉ lệ nghịch. (5đ)  -Nêu tính chất hai đại lượng tỉ lệ nghịch (5đ) | -Nêu định nghĩa hai đại lượng tỉ lệ nghịch như sgk/57  -Nêu tính chất hai đại lượng tỉ lệ nghịch như sgk/58 |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: *Bài toán 1***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: Biết cách giải bài toán về hai đại lượng tỉ lệ nghịch dạng toán chuyển động  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Giải được bài toán thực tế. | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  HS đọc bài toán, GV hướng dẫn tóm tắt  H: Bài cho biết gì? y/c tìm gì?  Nếu gọi vận tốc cũ, mới là v1, v2  tương ứng với thời gian t1, t2  Hãy tóm tắt đề: ( t1= 6; v2 = 1,2 v1)  H: vận tốc và thời gian trong bài là hai đại lượng quan hệ như thế nào?  - Yêu cầu HS lập tỉ lệ thức bằng cách áp dụng tính chất hai đại lượng tỉ lệ nghịch  GV hướng dẫn HS trình bày lời giải | **1. Bài toán1**: SGK.  Ô tô đi từ A tới B với vận tốc v1 thời gian t1, với vận tốc v2 thời gian t2.  Vì vận tốc và thời gian đi là hai đại lượng tỉ lệ nghịch nên:  Mà t1 = 6 , v2 = 1,2v1  Trả lời : Vậy với vận tốc mới thì ô tô đi từ A tới B hết 5 giờ. |

**Hoạt động 2: *Bài toán 2***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: Biết cách giải bài toán về hai đại lượng tỉ lệ nghịch dạng toán năng suất  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Hs giải được bài toán về hai đại lượng tỉ lệ nghịch dạng toán năng suất | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  HS đọc bài toán, GV hướng dẫn tóm tắt  H: Bài cho biết gì ? y/cầu tìm gì?  H: Số máy và số ngày hoàn thành cùng công việc là hai đại lượng quan hệ gì ?  -Nếu gọi số máy của 4 đội là x, y, z, t.  - Áp dụng t/c 1 của đại lượng tỉ lệ nghịch biểu diễn thế nào ?  GV hướng dẫn biến đổi các tích bằng nhau thành dãy tỉ số bằng nhau  GV : Có thể nói chia số 36 thành 4 phần tỉ lệ nghịch với  GV hướng dẫn HS trình bày lời giải.  Vậy qua bài 2 ta thấy bài toán về tỉ lệ nghịch quan hệ với bài toán tỉ lệ thuận ntn?  - Hướng dẫn HS trả lời ? | **2. Bài toán 2**: SGK.  Gọi số máy của 4 đội lần lượt là x, y, z, t  Ta có: x + y + z + t =36  Vì số ngày hoàn thành công việc tỉ lệ nghịch với số máy nên ta có:  4x = 6y = 10z = 12t  Hay  Áp dụng t/c dãy tỉ số bằng nhau ta có:    Số máy của bốn độ lần lượt là: 15,10,6,5  ? Ta có : x TLN y  (1)  y TLN z  (2)  Từ (1) và (2) suy ra:  Vậy x TLT với z theo hệ số |

**C. LUYỆN TẬP**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nội dung*** | | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: Biết cách kiểm tra để nhận biết hai đại lượng có tỉ lệ nghịch với nhau hay không .  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, cặp đôi  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Bài tập 16/60SGK | | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  \* Làm Bài tập : 16/60 SGK  HS AD tính chất hai đại lượng TLN làm bài 6.  Hai HS lên bảng trình bày  GV nhận xét, đánh giá | **Bài 16/60 SGK**:  a) Ta có: 1. 120 = 2 . 60 = 4 . 30 = 5 . 24 = 8 . 15  => x và y là hai đại lượng tỉ lệ nghịch  b) 2 . 30 = 3 . 20 = 4 . 15 = 6. 10 ≠ 5 . 12,5  => x và y là hai đại lượng không tỉ lệ nghịch với nhau. | |

**D. VẬN DỤNG**

**- Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học vào các bài toán . Nhằm mục đích phát triển năng lực tự học, sáng tạo , tự học , tự giác, tích cực

-Xem lại các bài toán đã giải

- BTVN 17, 18, 19, 21 SGK, 25-27 SBT.

**TUẦN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Dạy | Ngày |  |  |
| Tiết |  |  |
| Lớp |  |  |

**LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

1. *Kiến thức*: - Củng cố các kiến thức về đaiï lượng tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch.

2. *Kĩ năng*: - Sử dụng thành thạo các t/c của dãy tỉ số bằng nhau để giải bài tập

3. *Về phẩm chất*: Có ý thức tập trung chú ý, tích cực xây dựng bài.

Giải bài toán về đại lượng tỉ lệ nghịch

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bài soạn, SGK.

2. Học sinh: SGK, Ôn lại tính chất hai đại lượng tỉ lệ nghịch và tính chất của dãy tỉ số bằng nhau

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**Hoạt động 1: *Tình huống xuất phát*** (KTBC)

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: Củng cố cho Hs kiến thức về hai đại lượng tỉ lệ nghịch đã học và tính chất dãy tỉ số bằng nhau  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Hs nêu được đ.n hai đại lượng tỉ lệ nghịch đã học và tính chất dãy tỉ số bằng nhau | |
| -Nêu tính chất của hai đại lượng tỉ lệ nghịch (5đ)  -Nêu tính chất của dãy tỉ số bằng nhau (5đ) | - Tính chất hai đại lượng tỉ lệ nghịch như sgk/58  - Tính chất của dãy tỉ số bằng nhau như sgk/28 |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**C. LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: Củng cố cách giải bài toán về hai đại lượng tỉ lệ nghịch  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, cặp đôi  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  **-** Sản phẩm: Hs giải được các bài toán liên quan đến hai đại lượng tỉ lệ nghịch | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  **Làm bài 18sgk**  HS đọc bài toán, GV hướng dẫn tóm tắt  ? Bài toán này có dạng bài nào đã giải ?  HS: Tương tự bài toán 1 trong §4 Áp dụng bài toán 1 giải tương tự, 1 HS lên bảng giải  GV nhận xét, đánh giá  **Làm bài 19 sgk**  HS đọc bài toán, GV hướng dẫn tóm tắt  H: Số m vải và giá tiền 1 m vải là hai đại lượng có quan hệ gì ?  H: ta có tỉ lệ thức nào?  GV hướng dẫn HS trình bày bài giải  **Làm bài 21 sgk**  HS đọc bài toán, GV hướng dẫn tóm tắt  H: Bài cho biết gì?  H: Số máy và số ngày là quan hệ TLT hay TLN?  - Hãy lập dãy tỉ số bằng nhau.  Tìm số máy?  HS làm tương tự bài toán 2, 1 HS lên bảng giải  GV nhận xét, đánh giá. | **Bài 18/61sgk**:  Gọi x (giờ) là thời gian 12 người làm.  Vì số người làm tỉ lệ nghịch với thời gian làm nên ta có:  Vậy 12 người làm cỏ cánh đồng đó hết 1,5 giờ.  **Bài 19/61sgk**:  Cùng số tiền mua được 51 m vải loại I giá a (đ/m)  x (m) vải loại 2 giá 85% a đ /m  Số m vải và giá tiền 1 m vải là hai đại lượng TLN nên :    Vậy số tiền đó có thể mua được 60 m vải loại 2.  **Bài 21/61 SGK**.  Gọi số máy của các đội lần lượt là :  x1, x2, x3  Vìsố máy của đội 1 hơn đội 2 là 2 máy nên: x1 - x2 = 2  -Số ngày và số máy là hai đại lượng TLN nên ta có:  4x1 = 6x2 = 8x3  Hay  Áp dụng t/c dãy tỉ số bằng nhau ta có:    Vậy số máy của 3 đội theo thứ tự là: 6, 4, 3 máy. |

**D. VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: Rèn kỹ năng giải bài toán về hai đại lượng tỉ lệ nghịch  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, cặp đôi  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  **-** Sản phẩm: Tìm các giá trị tương ứng của đại lượng tỉ lệ nghịch | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  Làm bài 1: Ba người xây xong bức tường trong 24 phút. Hỏi 4 người thì xây mất mấy phút ?  Làm bài 2: Cho x và y là 2 đại lượng TLT. Hãy điền vào bảng sau:   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | 1 | 0,5 | 2,5 |  |  | | y |  |  | -12,5 | 10 | -15 |   Yêu cầu HS thảo luận nhóm làm bài:  2 nhóm làm bài 1; 2 nhóm làm bài 2  Đại diện các nhóm lên bảng trình bày.  **-** Các nhóm khác nhận xét  GV nhận xét, đánh giá. | **Bài 1:**  Gọi x phút là thời gian để 4 người xây xong bức tường  Vì số người và thời gian xây là hai đại lượng tỉ lệ nghịch nên ta có:  => x = 18  Vậy 4 người sẽ xây xong bức tường trong 18 phút  **Bài 2:**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | 1 | 05 | 2,5 | **-2** | **3** | | y | **-5** | **-2,5** | -12,5 | 10 | -15 | |

**Hướng dẫn học ở nhà**

- Xem lại các bài đã giải

- Làm bài 20, 22, 23/61, 26 SGK.

- Xem trước bài hàm số.

**TUẦN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Dạy | Ngày |  |  |
| Tiết |  |  |
| Lớp |  |  |

**§5. HÀM SỐ**

**I. MỤC TIÊU:**

1. *Kiến thức*: Biết được khái niệm hàm số và biết cách cho hàm số bằng bảng và công thức.

2. *Kĩ năng*: Nhận biết được mối quan hệ về hàm số của hai đại lượng trong những cách cho cụ thể, đơn giản. Tìm giá trị tương ứng của hàm số khi biết giá trị của biến số.

3. *Về phẩm chất*: Có ý thức tập trung chú ý, tích cực xây dựng bài.

- Xác định mối tương quan hàm số, tính giá trị của hàm số

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

1. Giáo viên: Thước kẻ, SGK , bảng phụ ghi ví dụ 1, bài tập 24 sgk

2. Học sinh: Thước kẻ, ôn tập về khái niệm đại lượng tỉ lệ thuận và đại lượng tỉ lệ nghịch

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**Hoạt động 1: Tình huống xuất phát** *(Cá nhân)*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: Bước đầu giới thiệu về mối quan hệ giữa hai đại lượng được gọi chung một tên gọi là hàm số.  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, cặp đôi  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Tên gọi chung của các công thức tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch. | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  - Nêu một ví dụ về hai đại lượng tỉ lệ thuận và một ví dụ về hai đại lượng tỉ lệ nghịch  *?:* Trong các công thức trên, các đại lượng trong công thức có phụ thuộc vào nhau không?  *?:* Khi cho đại lượng này một giá trị thì có tính được giá trị tương ứng của đại lượng kia không?  GV: người ta gọi chung những công thức này là gì?  GV: Để trả lời câu hỏi đó ta tìm hiểu trong bài hôm nay bài mới | + m =7,8.V ; t =  *- Các đại lượng trong các công thức đều phụ thuộc vào nhau*  *-* Khi cho đại lượng này một giá trị thì sẽ tính được giá trị tương ứng của đại lượng kia  *- Suy nghĩ nhưng chưa trả lời được* |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 2: Một số ví dụ về hàm số (cặp đôi)**

.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: Nêu được một số ví dụ về hàm số.  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, cặp đôi  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Các ví dụ về hàm số được cho bằng bảng hoặc bằng công thức | |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  GV nêu ví dụ, yêu cầu HS thực hiện:  + HS quan sát trên bảng phụ trả lời câu hỏi: Mỗi giá trị của t cho mấy giá trị của T?  + Cho m =7,8.V. Tìm giá trị của m khi V = 1; 2; 3; 4  + Cho t =. Tìm giá trị của t khi v = 5; 10; 25; 50  - HS tính và trình bày  \* GV đánh giá nhận xét các câu trả lời  \* GV chốt lại kết quả  - GV giới thiệu ở ví dụ 1, T là hàm số của t, t là biến số  - Yêu cầu HS Xác định hàm số và biến số trong ví dụ 2 và 3?  \* GV nhận xét đánh giá câu trả lời, GV chốt lại nêu nhận xét như SGK | **1. Một số ví dụ về hàm**  Vd1: SGK  Vd2: m =7,8.V  ?1 m tỉ lệ thuận với V   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | V(cm3) | 1 | 2 | 3 | 4 | | m (g) | 7,8 | 15,6 | 23,4 | 31,2 |   Ví dụ 3: t =  ?2 Lập bảng các giá trị của t   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | v(km/h) | 5 | 10 | 25 | 50 | | t (h) | 10 | 5 | 2 | 1 |   \* Nhận xét: T là hàm số của t (vd1)  m là hàm số của V (vd2)  t là hàm số của v (vd3) |

**Hoạt động 3: Khái niệm hàm số**

.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: HS nêu được khái niệm hàm số; cách viết hàm số; cách tính giá trị hàm số.  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, cặp đôi  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Khái niệm hàm số; Hàm số được cho bằng hai cách: Bảng và công thức. Tính giá trị của hàm số bằng cách thay vào rồi tính | |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  + Đại lượng y là hàm số của đại lượng x khi nào  - HS trình bày.  \* GV đánh giá nhận xét câu trả lời.  \* GV nêu các chú ý về hàm hằng; Cách cho hàm số; Cách viết hàm số; Cách tính giá trị hàm số.  \* GV chốt lại kiến thức về hàm số  GV: nhấn mạnh từ *chỉ một* trong khái niệm và giới thiệu cách viết hàm số. | **2. Khái niệm hàm số**  \* Khái niệm: ( sgk)  y là hàm số của x và x là biến số  \* Chú ý: SGK.  - Khi y là hàm số của x ta có thể viết:  y = f(x), y = g(x), …  Ví dụ: Cho hàm số y = f(x) = 2x + 3  Tính f(3)  f(3) = 2 . 3 + 3 = 9 |

**C. LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: HS nêu được khái niệm hàm số; cách viết hàm số; cách tính giá trị hàm số.  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, cặp đôi  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Khái niệm hàm số; Hàm số được cho bằng hai cách: Bảng và công thức; Tính giá trị của hàm số bằng cách thay vào rồi tính. | |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  - Làm Bài 24/63SGK:  HS kiểm tra, trả lời  GV nhận xét, đánh giá  - Làm Bài 25/63SGK:  Thay giá trị của x vào hàm số để tính y  3 HS lên bảng tính  GV nhận xét, đánh giá | Bài 24/63SGK:  Đại lượng y là hàm số của đại lượng x  Bài 25/63SGK: Cho hàm số y = f (x) = 3x2 + 1.  Tính f ; f(1) ; f(3)  f = ; f(1) = 4 ; f(3) = 10 |

**D. VẬN DỤNG**

**- Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học vào các bài toán . Nhằm mục đích phát triển năng lực tự học, sáng tạo , tự học , tự giác, tích cực

*Hướng dẫn về nhà:*- Nắm vững khái niệm hàm số.

- Làm bài tập 26-30 SGK

**TUẦN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Dạy | Ngày |  |  |
| Tiết |  |  |
| Lớp |  |  |

**§6. MẶT PHẲNG TỌA ĐỘ**

**I. MỤC TIÊU:**

1. *Kiến thức:*- Hiểu được mặt phẳng tọa độ là mặt phẳng chứa hệ trục tọa độ. Hiểu khái niệm tọa độ của một điểm.

2. *Kĩ năng*: :- Biết cách xác định một điểm trên mặt phẳng tọa độ khi biết tọa độ của nó và biết xác định tọa độ của một điểm trên mặt phẳng tọa độ.

3. *Về phẩm chất*: Rèn tính cẩn thận, ý thức tự giác, tích cực

- NL vận dụng, NL vẽ hệ trục tọa độ, NL xác định tọa độ một điểm trên mặt phẳng

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

1. Giáo viên: Thước kẻ, SGK , bảng phụ ghi ví dụ 1, bài tập 24 sgk

2. Học sinh: Thước kẻ, ôn tập về khái niệm đại lượng tỉ lệ thuận và đại lượng tỉ lệ nghịch

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**Hoạt động 1: *Đặt vấn đề(cá nhân***)

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: HS biết tọa độ địa lí của một điểm gồm kinh độ và vĩ độ; Kí hiệu về vị trí chỗ ngồi trong rạp xem phim; Xác định vị trí một điểm  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Tọa độ địa lí của mũi Cà Mau; vị trí trong rạp chiếu phim; Vị trí một điểm trên mặt phẳng | |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  HS đọc và tìm hiểu ví dụ SGK, trả lời câu hỏi:  ?: Ở ví dụ 1 tọa độ một địa điểm trên bản đồ được xác định như thế nào?  ?: Ở ví dụ thứ 2: Dòng chữ H1 có nghĩa là gì?  ?: Vấn đề đặt ra cho bài học hôm nay là gì ?  \* GV đánh giá nhận xét câu trả lời của hs  \* GV chốt: Trong toán học để xác định vị trí của mỗi điểm trên mặt phẳng người ta dùng một cặp gồm hai số | Ví dụ 1:Tọa độ địa lí của mũi Cà Mau là:  104040’Đ  80 30’B  Ví dụ 2: sgk  -Trong toán học để xác định vị trí của mỗi điểm trên mặt phẳng người ta dùng một cặp gồm hai số. Làm thế nào để có hai số đó ? |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 2: Mặt phẳng toạ độ *(cá nhân kết hợp với cặp đôi)***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| Mục tiêu: HS vẽ được hệ trục tọa độ và nêu đặc điểm của hệ trục tọa độ; Nắm được khái niệm MPTĐ.  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, cặp đôi  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Vẽ hệ trục tọa độ Oxy. Các trục Ox và Oy gọi là các trục tọa độ, Ox là trục hoành, Oy là trục tung. O gọi là gốc tọa độ | |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  GV: Vẽ hệ trục tọa độ và giới thiệu đó là hệ trục tọa độ  - HS quan sát hình vẽ, tìm hiểu SGK trả lời các câu hỏi:  + Hệ trục tọa độ Oxy vẽ như thế nào ? Đặc điểm của hệ trục tọa độ ?  + Mặt phẳng tọa độ là gì ?  \* GV đánh giá nhận xét câu trả lời của HS  \* GV chốt: Oxy là hệ trục tọa độ. Các trục Ox và Oy gọi là các trục tọa độ, Ox là trục hoành, Oy là trục tung  O gọi là gốc tọa độ | - Oxy là hệ trục tọa độ. Các trục Ox và Oy gọi là các trục tọa độ, Ox là trục hoành, Oy là trục tung  - O gọi là gốc tọa độ |

**Hoạt động 3: Tọa độ của một điểm trong mặt phẳng tọa độ**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: HS biết xác định tọa độ của một điểm trên mặt phẳng; Biết biểu diễn một điểm lên mặt phẳng tọa độ  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, cặp đôi  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Biểu diễn được M(x0 ;y0) lên mặt phẳng; Xác định được x0 là hoành độ và y0 là tung độ của điểm M; Tìm được tọa độ của điểm O | |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  GV vẽ điểm P trên mặt phẳng tọa độ, giới thiệu tọa độ của điểm P.  HS quan sát hình vẽ trả lời:  + Đường thẳng qua P vuông góc với trục hoành, trục tung tại điểm nào?  + Tọa độ của một điểm được xác định như thế nào ?  + Nếu có cặp số (-1; 2) ta xác định điểm P như thế nào?  + Làm ?1 SGK  + Tìm tọa độ của gốc O  \* GV đánh giá nhận xét câu trả lời của HS  \* GV chốt kiến thức và giới thiệu trường hợp tổng quát | (Vẽ P như Hình vẽ trên)  - Cặp số(-1; 2) là toạ độ của điểm P. Kí hiệu là P(-1; 2), -1 là hoành độ, 2 là tung độ của điểm P.   * Trên mặt phẳng tọa độ   + Mỗi điểm M xác định một cặp số( x0 ;y0). Ngược lại, mỗi cặp số ( x0 ;y0) xác định một điểm M.  + Cặp số ( x0 ;y0) gọi là tọa độ của điểm M, x0 là hoành độ và y0 là tung độ của điểm M  + Kí hiệu M( x0 ;y0) là điểm M có tọa độ (x0 ;y0)  ?2 Tọa độ của gốc O là: O(0; 0) |

**C. LUYỆN TẬP**

**Hoạt động 4: Bài tập *(cá nhân)***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: xác định tọa độ của một điểm trên mặt phẳng; Biết biểu diễn một điểm lên mặt phẳng tọa độ  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, cặp đôi  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Viết tọa độ điểm, biểu diễn điểm trên mặt phẳng tọa độ | |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  1) Làm bài 32sgk  2) Vẽ hệ trục tọa độ Oxy và đánh dấu các điểm A(3; -1); B(-4; -2)  2 HS lên bảng thực hiện | **Bài 32sgk**  M(-3, 2) ; N(2, -3) ; P(0, -2) ; Q(-2,0)  BT: Vẽ hệ trục tọa độ Oxy và đánh dấu các điểm P(-1, 2) ; M(2, -1) ; N(0, -2) ; Q(-2,0) |

**D. VẬN DỤNG**

**- Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học vào các bài toán nhằm mục đích phát triển năng lực tự học, sáng tạo , tự học , tự giác, tích cực

Nắm vững k/n và qui định về mặt phẳng toạ độ. Làm bài 33, 34, 35 SGK

**TUẦN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Dạy | Ngày |  |  |
| Tiết |  |  |
| Lớp |  |  |

**LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

1. *Kiến thức*- Củng cố cách tính giá trị của hàm số, cách đọc, cách viết tọa độ của một điểm, cách xác định điểm trong mặt phẳng tọa độ.

2. *Kĩ năng*: - Thành thạo vẽ hệ trục toạ độ, xác định vị trí của một điểm trong mặt phẳng toạ độ. Biết tìm toạ độ của một điểm cho trước.

3. *Về phẩm chất*: Rèn tính cẩn thận, ý thức tự giác, tích cực

sử dụng ngôn ngữ, đọc, viết tọa độ của điểm và xác định điểm trên mặt phẳng tọa độ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ hình 20sgk

2. Học sinh: Thước kẻ

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

*Kiểm tra 15’*

|  |  |
| --- | --- |
| Bài 1: (4đ) Cho hàm số y = f(x) = 2x2 – 1. Tính f(1) ; f(-2) ; f ; f(3)  Bài 2: (6đ)  a) - Vẽ hệ trục tọa độ Oxy  b) Đánh dấu các điểm A ;  B(-1; 2) ; C(0 ; 2,5); D(4 ; 0) | Bài 1: Tính đúng mỗi giá trị: 1 điểm  f(1) = 1 ; f(-2) = 7 ; f = - ; f(3) = 17  Bài 2: Câu a: vẽ đúng 2 điểm,  câu b: Xác định đúng mỗi điểm được 1 điểm |

**A. KHỞI ĐỘNG:**

**HOẠT ĐỘNG 1: Mở đầu** (Cá nhân):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** | |
| - Mục tiêu: Nhắc lại các kiến thức về mặt phẳng tọa độ mà hs đã biết đồng thời kích thích cho học sinh tìm thêm vấn đề mới là ý nghĩa khi biểu diễn các điểm lên mặt phẳng tọa độ  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Đọc tọa độ một điểm, biểu diễn một điểm lên mặt phẳng tọa độ; gợi mở về ý nghĩa khi biểu diễn các điểm lên mặt phẳng tọa độ. | | |
|  | | |
| ?: Ta có thể đọc được tọa độ của một điểm bất kì nằm trong MPTĐ hay không?  ?: Ta có thể biểu diễn một điểm lên MPTĐ hay không?  ?: Khi có MPTĐ và điểm biểu diễn lên trên đó thì cho ta biết được những điều gì?  GV: Tiết luyện tập hôm nay sẽ trả lời và củng cố lại cho chúng ta những kiến thức về mặt phẳng tọa độ | | - Trả lời (có)  - Trả lời (có)  - HS có thể không trả lời được |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**C. LUYỆN TẬP**

**Hoạt động 2: *Cá nhân kết hợp nhóm*(Làm bài 35, 34 sgk)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: HS đọc được tọa độ các điểm; Xác định được hoành độ, tung độ của các điểm trên các trục.  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Viết và đọc được tọa độ các điểm (Bài 35 sgk), Các điểm trên trục tung có hoành độ bằng không, các điểm trên trục hoành có tung độ bằng 0 (Bài 34 sgk) | |
|  | |
| \* Yêu cầu: HS làm bài và trả lời:  - Quan sát hình 20: Đọc và viết tọa độ các đỉnh của hình chữ nhật ABCD và tam giác PQR  - Quan sát hình 19, 20 sgk trả lời: Một điểm bất kì trên trục hoành (trục tung) có tung độ (hoành độ) bằng bao nhiêu ?  \* GV đánh giá, nhận xét câu trả lời của HS  \* GV chốt: Các điểm trên trục tung có hoành độ bằng không, các điểm trên trục hoành có tung độ bằng 0 | **Bài 35 / 68 sgk**  A( 0,5;2) ; B( 2;2); C( 2;0) ; D( 0,5;0)  P( -3;3) ;Q( -1;1) ;R( -3;1)  **Bài 34/68 SGK**  a) Một điểm bất kỳ trên trục tung có hoành độ bằng 0  b) Một điểm bất kì trên trục hoành có tung độ bằng 0 |

**Hoạt động 3:** **Làm bài 37, 38 sgk**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
|  | |
| - Mục tiêu: HS viết và biểu diễn được các cặp giá trị (x;y) lên mặt phẳng tọa độ; Biết được ý nghĩa khi biểu diễn các điểm lên mặt phẳng tọa độ.  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, cặp đôi  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Viết và biểu diễn các điểm. Từ việc biểu diễn các điểm lên mặt phẳng tọa độ để so sánh chiều cao và tuổi của các đối tượng được biểu diễn. | |
| \* Yêu cầu:  - Quan sát bảng bài 37sgk: Viết tất cả các cặp giá trị tương ứng (x ; y)  - Vẽ hệ trục tọa độ Oxy, xác định các điểm biểu diến các cặp số ở trên.  - Muốn biết chiều cao của từng bạn ta dựa vào đâu ?  -Muốn biết số tuổi của từng bạn ta dựa vào đâu ?  \* GV: Đánh giá nhận xét câu trả lời của HS.  \* GV chốt kiến thức: Muốn biết chiều cao của từng bạn ta quan sát trục thẳng đứng, muốn biết tuổi ta quan sát trục nằm ngang. | **Bài 37 SGK 68**.  a)  b)Biểu diễn  **Bài 38/68 SGK**  Đào là người cao nhất :15dm  Hồng ít tuổi nhất : 11 tuổi  Hồng cao hơn Liên ,  Liên nhiều tuổi hơn Hồng. |

**D. VẬN DỤNG**

**- Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học vào các bài toán nhằm mục đích phát triển năng lực tự học, sáng tạo , tự học , tự giác, tích cực

**- Hướng dẫn học ở nhà:**-Làm bài tập 36sgk, 50, 51 SBT.

- Đọc mục: “có thể em chưa biết”

-Đọc trước bài đồ thị của hàm số.

**TUẦN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Dạy | Ngày |  |  |
| Tiết |  |  |
| Lớp |  |  |

**§7. ĐỒ THỊ CỦA HÀM SỐ y = ax (a**0**)**

**I. MỤC TIÊU:**

1. *Kiến thức*- Biết được khái niệm đồ thị của hàm số. Biết dạng của đồ thị hàm số y = ax (a)

2. *Kĩ năng*: - Vẽ được đồ thị hàm sô y = ax (a)

3. *Về phẩm chất*: Rèn tính cẩn thận, ý thức tự giác, tích cực

- NL vẽ đồ thị hàm số y = ax (a)

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ ghi ?1sgk

2. Học sinh: Thước kẻ, ôn lại số đường thẳng đi qua hai điểm

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG: HOẠT ĐỘNG 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: Kích thích học sinh suy nghĩ khi nối các điểm biểu diễn trên mặt phẳng tọa độ được hình gì, và được gọi tên là gì.  - Phương pháp và kỹ thuật dạy học: Thảo luận, đàm thoại gợi mở, thuyết trình  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân  - Phương tiện, thiết bị dạy học: SGK, bảng phụ  - Sản phẩm: Biểu diễn các điểm và nối các điểm này với nhau | |
| ?: Ta có thể biểu diễn các điểm A(-2;3), B(-1;2), C(0;-1), D(0,5;1) lên mặt phẳng tọa độ được không?  ?: Vậy khi nối các điểm trên lại với nhau thì hình tạo thành đó được gọi là gì?  Để tìm câu trả lời ta vào bài học hôm nay | -Trả lời (có)  - Chưa trả lời được. |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**Hoạt động 2: Đồ thị của hàm số là gì ?**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nội dung*** | | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: Biết được khái niệm đồ thị hàm số  - Phương pháp và kỹ thuật dạy học: Thảo luận, đàm thoại gợi mở, thuyết trình  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, cặp đôi  - Phương tiện, thiết bị dạy học: SGK, bảng phụ  - Sản phẩm: khái niệm đồ thị hàm số; Vẽ được một đồ thị cho bởi các điểm. | | |
| \* Yêu cầu:  + Làm ?1 sgk?  + Qua ?1, GV thông báo: Tập hợp các điểm đó gọi là đồ thị hàm số đã cho.  + Đồ thị của hàm số y = f(x) là gì ?  \* GV nhận xét câu trả lời của HS  \* GV chốt: Đồ thị của hàm số y = f( x) là tập hợp tất cả các các điểm biểu diễn các cặp giá trị tương ứng ( x; y) trên mặt phẳng tọa độ. | ?1 Cho hàm số y = f(x)  a) Viết các cặp giá trị (x ;y)  {(x;y)}={(-2;3), (-1;2), (0;-1),  (0,5;1), (1,5;-2)}  b)  \* Đồ thị của hàm số y = f( x) là  tập hợp tất cả các các điểm biểu  diễn các cặp giá trị tương ứng  ( x; y) trên mặt phẳng tọa độ. | |

**Hoạt động 3: Đồ thị của hàm số y = ax ( a)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: Biết dạng của đồ thị hàm số y = ax (a 0) và biết cách vẽ đồ thị của hàm số dạng này.  - Phương pháp và kỹ thuật dạy học: Thảo luận, đàm thoại gợi mở, thuyết trình  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm  - Phương tiện, thiết bị dạy học: SGK, bảng phụ  - Sản phẩm: Hs vẽ được đồ thị của hàm số y = ax (a 0) | |
| \* Yêu cầu:  + Làm ?2  + Qua ?2, trả lời câu hỏi: Đồ thị hàm số y = 2x có dạng gì ?  \* GV đánh giá nhận xét  \* GV chốt: Đồ thị hàm số y = ax  (a) là một đường  thẳng đi qua gốc tọa độ. | ?2 y = 2x.  a) (-2,-4); (-1,-2 ); (0.0);(1,2); (2,4)  b)  Đồ thị hàm số y = ax  (a) là một đường  thẳng đi qua gốc tọa độ. |
| + Trả lời ?3 , ?4  + Vì sao chỉ cần xác định 1 điểm thuộc đồ thị là vẽ được đồ thị của hàm số ?  + Vẽ đồ thị hàm số y = 1,5x  \* GV nhận xét bài làm và câu trả lời của HS  \* GV chốt kiến thức: Để vẽ đồ thị của hàm số y = ax (a) ta chỉ cần xác định thêm một điểm khác gốc tọa độ.  (Lưu ý chọn điểm có toạ độ nguyên, nhỏ) | |  |  | | --- | --- | | ?3 Để vẽ đồ thị hàm số y = ax (a) ta cần biết 1 điểm thuộc đồ thị  ?4 y = 0,5 x  Cho x = 2 => y = 1.  ta được điểm A(2,1) | VD:Vẽ đồ thị: y =-1,5x  Cho x = 2 => y = -3.  ta được điểm A(2;-3).  OA là đồ thị  hàm số y=-1,5x. | |

**C. LUYỆN TẬP**

**Hoạt động 4: Bài tập** (cá nhân)

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: Biết cách vẽ đồ thị hàm số y = ax (a 0)  - Phương pháp và kỹ thuật dạy học: Thảo luận, đàm thoại gợi mở, thuyết trình  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm  - Phương tiện, thiết bị dạy học: SGK, bảng phụ  - Sản phẩm: Hs vẽ được đồ thị của hàm số y = ax (a 0) | |
| - Yêu cầu HS làm bài 39 (a,c) sgk  Gọi 2 HS lên bảng thực hiện  GV nhận xét, đánh giá | **Bài 39/71 sgk**: Vẽ đồ thị hàm số  a) y = x  Cho x = 1 => y = 1. ta được  điểmB(1;1).  OB là đồ thị hàm số y= x.  c) y = -2x  Cho x = 1 => y = -2. ta được  điểmA(1;-2).  OA là đồ thị hàm số y = -2x. |

**D. VẬN DỤNG**

**- Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học vào các bài toán nhằm mục đích phát triển năng lực tự học, sáng tạo , tự học , tự giác, tích cực

**- Hướng dẫn học ở nhà:**-Nắm vững các kết luận và cách vẽ đồ thị y = ax (a)

-Bài tập về nhà: 40, 41, 42, 43. SGK.

- Ôn tập phần học trong HKI, tiết sau ôn tập học kỳ I.

**TUẦN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Dạy | Ngày |  |  |
| Tiết |  |  |
| Lớp |  |  |

**LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

1. *Kiến thức:* -Củng cố cách vẽ đồ thị hàm số y = ax 

2. *Kĩ năng*: - Rèn kĩ năng vẽ đồ thị, kiểm tra điểm thuộc đồ thị, điểm không thuộc đồ thị, biết xác định hệ số a khi biết đồ thị hàm số.

3. *Về phẩm chất*: Rèn tính cẩn thận, ý thức tự giác, tích cực

NL sử dụng công cụ vẽ đồ thị hàm số y = ax 

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ các hình 25; 26 sgk

2. Học sinh: Thước kẻ, học kỹ cách vẽ đồ thị hàm số y = ax 

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. *Kiểm tra bài cũ*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Câu hỏi*** | ***Đáp án*** |
| - Đồ thị hàm số y = ax  có dạng như thế nào?  -Vẽ đồ thị hàm số y = 2x | - Đồ thị hàm số y = ax  là đường  thẳng đi qua gốc tọa độ (4đ)  -Vẽ đồ thị hàm số y = 2x (6đ)  Cho x = 1  ta có y = 2.  Ta được điểm A(1 ; 2)  Đường thẳng OA là đồ thị hàm số y = 2x |

**A. KHỞI ĐỘNG:****HOẠT ĐỘNG 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: Kích thích học sinh suy nghĩ về một số dạng toán của đồ thị hàm số và cách giải  - Phương pháp và kỹ thuật dạy học: Thảo luận, đàm thoại gợi mở, thuyết trình  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm  - Phương tiện, thiết bị dạy học: SGK, bảng phụ các hình vẽ trong SGK  - Sản phẩm: Các dạng toán về đồ thị của hàm số y = ax (a) | |
| ?: Hãy nêu nêu một số dạng toán về đồ thị của hàm số y = ax (a)  ?: Một số dạng toán về đồ thị của hàm số y = ax (a) như: Vẽ đồ thị hàm số; Xác định điểm có thuộc đồ thị hay không; Xác định hệ số a; Tính giá trị hàm số bằng đồ thị...Vậy cách giải những dạng toán này như thế nào?  Đó là nội dung của tiết luyện tập | - Có thể trả lời được hoặc không  - Chưa trả lời được |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**C. LUYỆN TẬP**

**Hoạt động 2: (*Cá nhân kết hợp với cặp đôi*** )**Làm bài 40, 41 sgk**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: HS biết được đồ thị nằm ở góc phần tư thứ mấy nhờ hệ số a; Biết một điểm có thuộc đồ thị hay không. Xác định được hệ số a; Tìm được điểm trên đồ thị thỏa mãn yêu cầu.  - Phương pháp và kỹ thuật dạy học: Thảo luận, đàm thoại gợi mở, thuyết trình  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, cặp đôi, nhóm  - Phương tiện, thiết bị dạy học: SGK, bảng phụ các hình vẽ trong SGK  - Sản phẩm: Hs giải được các bài toán liên quan đến đồ thị hàm số | |
| \* Yêu cầu:  + Dựa vào đồ thị của bài 39 trả lời câu hỏi: Đồ thị hàm số y = ax nằm ở những góc phần tư nào của mặt phẳng tọa độ nếu :  + a > 0 ;  + a < 0  + Muốn biết điểm nào thuộc đồ thị hàm số ta làm như thế nào ?  \* GV đánh giá câu trả lời và bài làm của học sinh.  \* GV chốt về cách muốn biết một điểm thuộc đồ thị hay không làm thế nào. | **Bài 40/71SGK**  Nếu a > 0 đồ thị nằm ở góc phần tư thứ I và thứ III  Nếu a < 0 đồ thị nằm ở góc phần tư thứ II và thứ IV  **Bài 41/72SGK**  Thay x =  vào hàm số y = - 3x ta được  y = - 3 . = 1  Vậy Athuộc đồ thị hàm số  B không thuộc đồ thị hàm số  C(0;0) thuộc đồ thị. |
| \* Yêu cầu: Quan sát hình 26sgk, trả lời câu hỏi:  + Xác định hệ số a bằng cách nào ?  + Làm thế nào để xác định được điểm trên đồ thị có hoành độ hoặc tung độ cho trước ?  \* GV nhận xét đánh giá câu trả lời của HS  \* GV chốt cách giải | O  -2  -1  1  2  A  x  y a) Ta có: A(2;1),  1  thay x = 2; y = 1 vào  công thức y = ax    b) Trên đồ thị  c) Trên đồ thị |
| \* Yêu cầu:  Thảo luận trả lời câu hỏi  + Xác định 1 điểm thuộc đồ thị hàm số y = - 0,5 x bằng cách nào ?  + Từ đồ thị làm thế nào để tìm giá trị của y hay của x khi biết giá trị của đại lượng kia?  + Tìm giá trị của x khi y dương hoặc âm ta dựa vào đâu ?  \* GV nhận xét đánh giá câu trả lời của HS  \* GV chốt cách giải | \* **Bài tập 44/73 SGK**  **\*** Cho x = 2, ta có y = -1. Ta được điểm A(2 ; -1)  Đường thẳng OA là đồ thị hàm số y = -0,5x  Từ đồ thị ta thấy:  a) f(2) = -1 ; f(-2) = 1 ; f(4) = -2 ; f(0) = 0  b) y = -1  ;  c) Khi y dương thì x âm ; khi y âm thì x dương |

**D. VẬN DỤNG**

**- Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học vào các bài toán nhằm mục đích phát triển năng lực tự học, sáng tạo , tự học , tự giác, tích cực

**- Hướng dẫn học ở nhà** - Làm bài tập 43; 45; 46 ; 47sgk.

- Đọc bài đọc thêm: đồ thị của hàm số y =

- Ôn tập theo các câu hỏi ôn tập chương II để tiết sau ôn tập chương

**TUẦN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Dạy | Ngày |  |  |
| Tiết |  |  |
| Lớp |  |  |

**ÔN TẬP CHƯƠNG II**

**I. MỤC TIÊU:**

1. *Kiến thức:* - Hệ thống hoá kiến thức về hai đại lượng tỉ lệ thuận, hai đại lượng tỉ lệ nghịch

2. *Kĩ năng*: - Giải toán về hai đại lượng tỉ lệ thuận, hai đại lượng tỉ lệ nghịch. Chia 1 số thành các phần tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch với các số đã cho. Vẽ đồ thị hàm số y = ax (a ≠ 0)

3. *Về phẩm chất*: Có ý thức tập trung, tích cực

NL sử dụng ngôn ngữ, biết hệ thống các kiến thức trong chương

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

1. Giáo viên: Bảng tổng hợp về ĐL TLN, TLT (ĐN, T/C)

2. Học sinh: Làm các câu hỏi ôn tập chương II.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG:**

**HOẠT ĐỘNG 1: Mở đầu** (cá nhân)

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: Gợi nhớ lại các nội dung của chương II:  + Nhớ công thức của đại lượng tỉ lệ thuận.  + Nhớ công thức của đại lượng tỉ lệ nghịch.  + Nhớ được dạng đồ thị của hàm số y = ax (a ≠ 0)  - Phương pháp và kỹ thuật dạy học: Thảo luận, đàm thoại gợi mở, thuyết trình  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân  - Phương tiện, thiết bị dạy học: SGK, bảng phụ các hình vẽ trong SGK  - Sản phẩm: Nội dung và dạng bài tập của chương II | |
| ?: Nhắc lại các nội dung đã học ở chương II?  ?: Có những bài tập dạng nào ở chương này?  GV: Ở chương II này bài tập nội dung chủ yếu là về tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch, hàm số và đồ thị của hàm số y = ax (a khác 0). Tiết này sẽ củng cố lại một số bài tập về các nội dung này. | - Nhắc lại  - Dự đoán câu trả lời |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**Hoạt động 2: Hệ thống kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: Hệ thống lại lí thuyết các kiến thức của chương II  - Phương pháp và kỹ thuật dạy học: Thảo luận, đàm thoại gợi mở, thuyết trình  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, cặp đôi  - Phương tiện, thiết bị dạy học: SGK, bảng phụ các hình vẽ trong SGK  - Sản phẩm: Lí thuyết các kiến thức của chương | |
| \* Yêu cầu: Thảo luận trả lời câu hỏi  + Nêu công thức liên hệ giữa hai đại lượng tỉ lệ thuận  + Nêu công thức liên hệ giữa hai đại lượng tỉ lệ nghịch  + Đồ thị của hàm số y = ax (a ≠ 0) có dạng gì ?  \* GV: Nhận xét đánh giá câu trả lời  \* GV chốt lại các công thức tỉ lệ thuận , tỉ lệ nghịch, đồ thị hàm số y = ax (a khác 0) | I. Hệ thống kiến thức  1. y = kx (k là hằng số khác 0) thì ta nói y tỉ lệ thuận với x theo hệ số k.  +  +  2.  hay xy = a thì y tỉ lệ nghịch với x theo hệ số a  +  +  3. Đồ thị hàm số y = ax (a ≠ 0) là một đường thẳng đi qua gốc tọa độ |

**C. LUYỆN TẬP**

**Hoạt động 3: Bài tập**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: HS biết giải một số bài tập về tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch, biết vẽ đồ thị hàm số y = ax (a 0)  - Phương pháp và kỹ thuật dạy học: Thảo luận, đàm thoại gợi mở, thuyết trình  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, cặp đôi  - Phương tiện, thiết bị dạy học: SGK, bảng phụ các hình vẽ trong SGK  - Sản phẩm: Lời giải của các bài tập, Vẽ được đồ thị | |
| \* Yêu cầu: Giải các bài toán  **Bài 1**: Cho x,y TLT , điền vào ô trống   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | -4 | -1 |  | 2 |  | | y |  | 2 | 0 |  | -10 |   **Bài 2**: Cho x và y TLN, điền vào ô trống.   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | -5 |  | -2 | 1 |  | | y |  | -10 |  | 30 | 5 |   **Bài 3**: Chia số 156 thành 3 số  a) TLT với 3; 4; 6.  b) TLN với 2, 3, 4  + Muốn điền vào ô trống ta phải làm gì ? -Tính k theo công thức nào?  Tính a theo công thức nào ?  + Nhắc lại các bước giải bài toán TLT, TLN.  \* GV đánh giá nhận xét bài làm của HS  \* GV chốt kiến thức về tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch  \* Yêu cầu: Vẽ đồ thị hàm số y = 2x  + Muốn vẽ đồ thị hàm số y = 2x ta làm như thế nào ?  + Vì sao chỉ cần xác định 1 điểm thuộc đồ thị là vẽ được đồ thị hàm số ?  \* GV đánh giá nhận xét bài làm của HS  \* GV chốt kiến thức về vẽ đồ thị hàm số y = ax(a khác 0) | **Bài 1**: Cho x,y TLT , điền vào ô trống   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | -4 | -1 | ***0*** | 2 | ***5*** | | y | ***8*** | 2 | 0 | ***-4*** | -10 |   Từ y = kx  **Bài 2**: Cho x và y TLN, điền vào ô trống   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | -5 | ***-3*** | -2 | 1 | ***6*** | | y | ***-6*** | -10 | ***-15*** | 30 | 5 |   a = xy = 1.30 = 30  **Bài 3**: Chia số 156 thành 3 số  Giải  a) Gọi 3 số lần lượt là a, b, c theo bài ra ta có:  và a+ b + c=156  Áp dụng T/C của dãy tỉ số bằng nhau    b) Gọi 3 số lần lượt là a, b, c.  Theo bài ta có:    **Bài 4**: Vẽ đồ thị hàm số y = 2x  - Cho x = 1 thì y = 2. Ta được điểm A(1 ; 2)  Đường thẳng OA là đồ thị hàm số y = 2x |

**D. VẬN DỤNG**

**- Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học vào các bài toán nhằm mục đích phát triển năng lực tự học, tự học , tự giác, tích cực

**- Hướng dẫn học ở nhà:** - Ôn tập theo bảng tổng kết và luyện lại các dạng bài tập.

- Làm bài tập: 51-55 SGK.

**TUẦN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Dạy | Ngày |  |  |
| Tiết |  |  |
| Lớp |  |  |

**ÔN TẬP HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU:**

1. *Kiến thức:* Củng cố lại các phép tính về số hữu tỉ. Giải toán về chia tỉ lệ.

2. *Kĩ năng*: Rèn kĩ năng thực hiện các phép tính, tính giá trị biểu thức. Vận dụng các tính chất của tỉ lệ thức và dãy tỉ số bằng nhau để tìm số chưa biết

3. *Về phẩm chất*: Có ý thức tập trung, tích cực

NL vận dụng; NL thực hiện phép tính; NL sử dụng ngôn ngữ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

1. Giáo viên: SGK, giáo án

2. Học sinh: Ôn tập theo các câu hỏi /46sgk

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG:**

**HOẠT ĐỘNG 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: Gợi nhớ lại các nội dung về số hữu tỉ: Nắm vững các quy tắc thực hiện các phép tính về phân số và lũy thừa. Nhớ được tính chất của tỉ lệ thức và dãy tỉ số bằng nhau  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Nội dung và dạng bài tập của chương | |
| ?: Số hữu tỉ có dạng như thế nào? Tỉ lệ thức là gì?  ?: Có những bài tập dạng nào các nội dung này?  GV đưa ra một số dạng như tìm x, thực hiện phép tính, tính nhanh, giải bài toán áp dụng dãy tỉ số bằng nhau. Tiết này sẽ củng cố lại một số bài tập về các nội dung này. | - Nhắc lại  - Dự đoán câu trả lời |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**Hoạt động 2: *Hệ thống kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: HS được hệ thống lại các kiến thức về số hữu tỉ, tỉ lệ thức, dãy tỉ số bằng nhau.  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, cặp đôi  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Các kiến thức về số hữu tỉ, tỉ lệ thức, dãy tỉ số bằng nhau. | |
| \* Yêu cầu: Thảo luận, trả lời các câu hỏi 3, 4, 5, 7, 8, 10 phần câu hỏi ôn tập chương I/46sgk  \*GV đánh giá nhận xét câu trả lời của HS  \* GV chốt lại các kiến thức về số hữu tỉ, tỉ lệ thức, dãy tỉ số bằng nhau. | **I. Hệ thống kiến thức**  **1) *Số hữu tỉ, số thực, tính giá trị của biểu thức số***:  - Số hữu tỉ:  Trong tập R ta thực hiện được các phép toán +, -, x, :, lũy thừa, căn bậc 2 của một số không âm.  **2) *Tỉ lệ thức và dãy tỉ số bằng nhau*:**  -TLT là đẳng thức của hai tỉ số: TQ:  Vd: |

**C. LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: HS nắm được một số dạng bài tập về tìm x, thực hiện phép tính, tính nhanh, giải bài toán áp dụng dãy tỉ số bằng nhau.  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Hs giải được các dạng bài tập về tìm x, thực hiện phép tính, tính nhanh, giải bài toán áp dụng dãy tỉ số bằng nhau. | |
| \* Yêu cầu: Thảo luận làm các bài tập sau:  **Bài 1:** Tìm x trong tỉ lệ thức sau  x : 8,5 = 0,69 : (-1,15)  + Muốn tìm số hạng ngoại tỉ chưa biết ta làm thế nào?  **Bài 2:** Thực hiện các phép tính :  a) 1 +  -  + 0,5 +  b)  . 19 -  . 33  c) 15 :  - 25:  + Nêu cách thực hiện các phép tính trên  **Bài 3:** Tính nhanh:  a)(-6,37.0,4).2,5)  b) (-0,125) . (-5,3).8  **+** Làm thế nào để tính nhanh ?  **Bài 4:** tìm 2 số x và y biết :  7x = 3y và x-y =16  + Hãy lập TLT từ đẳng thức 7x = 3y  **Bài 5:** Cứ 100kg thóc cho 60kg gạo, hỏi 20 bao thóc mỗi bao đựng 60 kg cho bao nhiêu gạo?  + số thóc và số gạo là hai đại lượng có quan hệ gì ?  **Bài 6:** Đào một con mương cần 30 người trong 8 giờ. Nếu tăng lên 10 người thì giảm được mấy giờ ?  + Muốn tìm được thời gian giảm thì cần tìm gì trước ?  + Số người làm và số giờ liên hệ như thế nào?  \* GV đánh giá nhận xét bài làm của HS  \* GV chốt về thứ tự thực hiện phép tính, tính chất của dãy tỉ số bằng nhau | **II. Bài tập**  **Bài 1**: Tìm x trong tỉ lệ thức sau  x : 8,5 = 0,69 : (-1,15)  **Bài 2:** Thực hiện các phép tính :  a) 1 +  -  + 0,5 +  ==1 +1 + 6,5 = 2,5  b)  . 19 -  . 33  =  c) 15 :  - 25:  **Bài 3:** Tính nhanh:  a)(-6,37.0,4).2,5) = -6,37 . (0,4.2,5)  = -6,37 .1 = -6,37  b) (-0,125) . (-5,3).8 = (-0,125 .8 ). (-5,3)  = -1 . (-5,3) = 5,3  **Bài 4:** Từ 7x = 3y và x-y =16    **Bài 5**:  Giải  Số thóc trong 20 bao là: 20 . 60 = 1200 kg  Gọi số gạo khi đem xay 20 bao thóc là x (kg)  Vì số thóc và số gạo là hai đại lượng tỉ lệ thuận nên  Ta có:  **Bài 6:**  Giải  Gọi x là số giờ mà 40 người làm xong con mương. vì số người và số giờ là hai đại lượng tỉ lệ nghịch nên ta có:  Vậy thời gian giảm được là 2 giờ. |

**D. VẬN DỤNG**

**- Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học vào các bài toán nhằm mục đích phát triển năng lực tự học, tự học , tự giác, tích cực

**- Hướng dẫn học ở nhà:**- Ôn lại các nội dung đã ôn;- Xem lại các bài tập đã chữa;- Chuẩn bị kiểm tra HKI.

**TUẦN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Dạy | Ngày |  |  |
| Tiết |  |  |
| Lớp |  |  |

**ÔN TẬP HỌC KÌ I (tt)**

**I. MỤC TIÊU:**

1. *Kiến thức:* - Hệ thống hoá kiến thức về hai đại lượng tỉ lệ thuận, hai đại lượng tỉ lệ nghịch

2. *Kĩ năng*: - Giải toán về hai đại lượng tỉ lệ thuận, hai đại lượng tỉ lệ nghịch. Chia 1 số thành các phần tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch với các số đã cho. Vẽ đồ thị hàm số y = ax (a ≠ 0)

3. *Về phẩm chất*: Có ý thức tập trung, tích cực

NL sử dụng ngôn ngữ, biết hệ thống các kiến thức trong chương

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

1. Giáo viên: SGK, giáo án

2. Học sinh: Ôn tập theo các câu hỏi /46sgk

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG:**

**HOẠT ĐỘNG 1: Mở đầu** (cá nhân)

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: Gợi nhớ lại các nội dung của chương II  - Phương pháp và kỹ thuật dạy học: Thảo luận, đàm thoại gợi mở, thuyết trình  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân  - Phương tiện, thiết bị dạy học: SGK, bảng phụ các hình vẽ trong SGK  - Sản phẩm: Nội dung và dạng bài tập của chương II | |
| ?: Nhắc lại các nội dung đã học ở chương II?  ?: Có những bài tập dạng nào ở chương này?  GV: Ở chương II này bài tập nội dung chủ yếu là về tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch, hàm số và đồ thị của hàm số y = ax (a khác 0). Tiết này sẽ củng cố lại một số bài tập về các nội dung này. | - Nhắc lại  - Dự đoán câu trả lời |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**Hoạt động 2: Hệ thống kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: Hệ thống lại lí thuyết các kiến thức của chương II  - Phương pháp và kỹ thuật dạy học: Thảo luận, đàm thoại gợi mở, thuyết trình  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, cặp đôi  - Phương tiện, thiết bị dạy học: SGK, bảng phụ các hình vẽ trong SGK  - Sản phẩm: Lí thuyết các kiến thức của chương | |
| \* Yêu cầu: Thảo luận trả lời câu hỏi  + Nêu công thức liên hệ giữa hai đại lượng tỉ lệ thuận  + Nêu công thức liên hệ giữa hai đại lượng tỉ lệ nghịch  + Đồ thị của hàm số y = ax (a ≠ 0) có dạng gì ?  \* GV: Nhận xét đánh giá câu trả lời  \* GV chốt lại các công thức tỉ lệ thuận , tỉ lệ nghịch, đồ thị hàm số y = ax (a khác 0) | I. Hệ thống kiến thức  1. y = kx (k là hằng số khác 0) thì ta nói y tỉ lệ thuận với x theo hệ số k.  +  +  2.  hay xy = a thì y tỉ lệ nghịch với x theo hệ số a  +  +  3. Đồ thị hàm số y = ax (a ≠ 0) là một đường thẳng đi qua gốc tọa độ |

**C. LUYỆN TẬP**

**Hoạt động 3: Bài tập**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: HS biết giải một số bài tập về tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch, biết vẽ đồ thị hàm số y = ax (a 0)  - Phương pháp và kỹ thuật dạy học: Thảo luận, đàm thoại gợi mở, thuyết trình  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, cặp đôi  - Phương tiện, thiết bị dạy học: SGK, bảng phụ các hình vẽ trong SGK  - Sản phẩm: Lời giải của các bài tập, Vẽ được đồ thị | |
| \* Yêu cầu: Giải các bài toán  **Bài 1**: Cho x,y TLT , điền vào ô trống   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | -4 | -1 |  | 2 |  | | y |  | 2 | 0 |  | -10 |   **Bài 2**: Cho x và y TLN, điền vào ô trống.   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | -5 |  | -2 | 1 |  | | y |  | -10 |  | 30 | 5 |   **Bài 3**: Chia số 156 thành 3 số  a) TLT với 3; 4; 6.  b) TLN với 2, 3, 4  + Muốn điền vào ô trống ta phải làm gì ? -Tính k theo công thức nào?  Tính a theo công thức nào ?  + Nhắc lại các bước giải bài toán TLT, TLN.  \* GV đánh giá nhận xét bài làm của HS  \* GV chốt kiến thức về tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch  \* Yêu cầu: Vẽ đồ thị hàm số y = 2x  + Muốn vẽ đồ thị hàm số y = 2x ta làm như thế nào ?  + Vì sao chỉ cần xác định 1 điểm thuộc đồ thị là vẽ được đồ thị hàm số ?  \* GV đánh giá nhận xét bài làm của HS  \* GV chốt kiến thức về vẽ đồ thị hàm số y = ax(a khác 0) | **Bài 1**: Cho x,y TLT , điền vào ô trống   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | -4 | -1 | ***0*** | 2 | ***5*** | | y | ***8*** | 2 | 0 | ***-4*** | -10 |   Từ y = kx  **Bài 2**: Cho x và y TLN, điền vào ô trống   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | -5 | ***-3*** | -2 | 1 | ***6*** | | y | ***-6*** | -10 | ***-15*** | 30 | 5 |   a = xy = 1.30 = 30  **Bài 3**: Chia số 156 thành 3 số  Giải  a) Gọi 3 số lần lượt là a, b, c theo bài ra ta có:  và a+ b + c=156  Áp dụng T/C của dãy tỉ số bằng nhau    b) Gọi 3 số lần lượt là a, b, c.  Theo bài ta có:    **Bài 4**: Vẽ đồ thị hàm số y = 2x  - Cho x = 1 thì y = 2. Ta được điểm A(1 ; 2)  Đường thẳng OA là đồ thị hàm số y = 2x |

**D. VẬN DỤNG**

**- Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học vào các bài toán nhằm mục đích phát triển năng lực tự học, tự học , tự giác, tích cực

**- Hướng dẫn học ở nhà** -Ôn tập theo bảng tổng kết và luyện lại các dạng bài tập.

- Làm bài tập: 51-55 SGK.

**TUẦN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Dạy | Ngày |  |  |
| Tiết |  |  |
| Lớp |  |  |

**TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU:**

1. *Kiến thức* HS ôn lại các kiến thức đã học trong học kỳ I.

2. *Kĩ năng*: - HS có kĩ năng thực hiện các phép tính về số hữu tỉ; kỹ năng trình bày bài giải

3. *Về phẩm chất*: Giáo dục cho HS tính cẩn thận, nghiêm túc trong làm bài kiểm tra.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

1. Giáo viên: Đề bài, đáp án + thang điểm, bài trả cho HS, bảng phụ ghi đề bài tập.

# 2. Học sinh : Ôn lại kiến thức đã học ở học kì I.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG:**

**HOẠT ĐỘNG 1: Nhận xét chung**

+ GV đánh giá về ý thức và kết quả làm bài kiểm tra của HS

\* Ưu điểm:Đa số các em làm được các bài 1, 2, 3, 4; Nhiều em trình bày bài sạch, đẹp, rõ ràng, có lô gic chặt chẽ

\* Tồn tại: Một số em chưa vẽ được đồ thị, chia khoảng đơn vị chưa bằng nhau.Một số em kĩ năng tính toán trình bày còn chư­a chặt chẽ, rõ ràng

+ GV tuyên dương những em làm tốt, nhắc nhở những lỗi sai các em hay mắc phải trong bài kiểm tra.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**C. LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG.**

**HOẠT ĐỘNG 2: Chữa bài kiểm tra (**Cá nhân**)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Sản phẩm*** |
| - Mục tiêu: HS ôn lại các kiến thức đã học ở học kỳ I.  - Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Đàm thoại gợi mở, thuyết trình,..,  - Hình thức tổ chức dạy học: Cá nhân, nhóm  - Phương tiện và thiết bị dạy học: sgk  - Sản phẩm: Đáp án bài kiểm tra học kì I | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:   * GV ghi đề bài 1 * Gọi 2 HS lên bảng thực hiện   GV nhận xét, chốt kiến thức  - GV ghi đề bài 2  Gọi 3 HS lên bảng tính  GV nhận xét, chốt kiến thức  - GV ghi đề bài 3  Gọi 2 HS lên bảng tính  GV nhận xét, chốt kiến thức  - GV ghi đề bài 4  Gọi 1 HS lên bảng tính  GV nhận xét, chốt kiến thức  - GV ghi đề bài 6  Hướng dẫn HS phân tích để tìm n | - 2 HS lên bảng làm bài 1  HS dưới lớp làm nháp  - HS nghe nhận xét và ghi bài làm đúng vào vở  - 3 HS lên bảng làm bài 2  HS dưới lớp làm nháp  - HS nghe nhận xét và ghi bài làm đúng vào vở  - 2 HS lên bảng làm bài 3  HS dưới lớp làm nháp  - HS nghe nhận xét và ghi bài làm đúng vào vở  - 1 HS lên bảng làm bài 4  HS dưới lớp làm nháp  - HS nghe nhận xét và ghi bài làm đúng vào vở  Chú ý nghe cách hướng dẫn làm bài 6 và ghi kết quả vào vở |

**HOẠT ĐỘNG 3: Trả bài kiểm tra**  **(**Cá nhân**)**

- Mục tiêu: HS xem lại bài thi của mình để nhận ra những lỗi sai bản thân hay gặp phải.

- Sản phẩm: Học sinh nhận ra những lỗi sai bản thân hay gặp phải trong khi làm bài thi.

**D. Dặn dò:**

- Xem lại các bài tập đã giải

- Ôn lại các kiến thức đã học trong học kì 1.